

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 23.3.2022

HIỆN THỰC VÀ XA VỜI
Kinh Số Nhiều (Sambahulasuttam)
CHƯƠNG IV. TƯƠNG ƯNG ÁC MA, PHẨM THỨ BA (S.i, 117)

Đây là câu chuyện chư tỳ kheo gặp Ma mà không biết. Tuy vậy nhờ sự hiểu biết và lòng tin kiên cố ở Phật nên không bị Ma chi phối. Điều mà Ác ma nói vốn rất thấu tình đạt lý theo quan niệm người đời: trẻ sống thụ hưởng, già thì lo tu. Nhưng Phật Pháp cho một cái nhìn khác: hưởng thụ dục lạc vui ít, khổ nhiều, nguy hiểm nhiều hơn và sự thật này không nằm khung thời gian già hay trẻ. Thật ra không phải dễ để nhận thức được cái gì thiết thực cho cuộc sống giữa trăm muôn ngàn thứ phải làm trong cuộc sống. Người có trí lãnh hội lời Phật dạy tìm được giá trị đích thực ngay trong hiện tại.



Kinh Văn

Evam me sutam –
Tôi được nghe như vậy

ekam samayaṃ bhagavā sakkesu viharati silāvatiyaṃ.

Thuở ấy Đức Thế Tôn trú giữa những người Sakya tại Silāvātī.

Tena kho pana samayena sambahulā bhikkhū bhagavato avidūre appamattā ātāpino pahitattā viharanti.

Bấy giờ gần Đức Thế Tôn có nhiều tỳ khuru sống nhiệt tâm, tinh cần, không xao lãng.

Atha kho māro pāpimā brāhmaṇavaṇṇaṃ abhinimminivā mahantena jaṭaṇḍuvena ajinakkhipanivattho jīṇṇo gopānasivaṅko ghurughurupassāsī

udumbaraḍaṇḍaṃ gahetvā yena te bhikkhū tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā te bhikkhū etadavoca –

Rồi Ác ma biến thành một ông lão bà la môn có búi tóc lớn, mặc áo bằng da linh dương, thân hình gầy cong như rui mè nhà cũ, hơi thở phều phào, tay cầm gậy udumbara. Ác ma đi tới các tỳ khuru và nói rằng:

“daharā bhavanto pabbajitā susū kāḷakesā bhadrena yobbanena samannāgatā paṭhamena vayasā anikkīlitāvino kāmesu. Bhuñjantu bhavanto mānusake kāme. Mā sandiṭṭhikaṃ hitvā kālikaṃ anudhāvitthā”ti.

Chư Tôn giả xuất gia thời niên thiếu, tóc còn đen, thanh xuân tràn đầy, trong thời sung mãn của cuộc đời lại không hưởng thụ dục lạc. Hãy vui hưởng hạnh phúc kiếp người, chớ bỏ rơi cái trước mắt để mưu cầu những gì xa xôi.

“Na kho mayaṃ, brāhmaṇa, sandiṭṭhikaṃ hitvā kālikaṃ anudhāvāma. Kālikañca kho mayaṃ, brāhmaṇa, hitvā sandiṭṭhikaṃ anudhāvāma. Kālikā hi, brāhmaṇa, kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā bahupāyāsā, ādīnavo ettha bhiyyo. Sandiṭṭhiko ayaṃ dhammo akāliko ehipassiko opaneyyiko paccattaṃ veditabbo viññūhī”ti.

-- Nay Bà-la-môn, chúng tôi không bỏ rơi cái trước mắt để mưu cầu những gì xa xôi. Chúng tôi từ bỏ truy cầu cái xa xôi mà tập trung vào cái trước mắt. Đức Thế Tôn dạy rằng các dục tiêu ngắn thời gian, đầy dẫy đau khổ, nhiều hệ lụy, hiểm họa càng nhiều hơn. Chánh pháp này thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để chứng nghiệm, có khả năng hưởng thượng, người trí tự mình tỏ ngộ.

Evam vutte, māro pāpimā sīsaṃ okampetvā jivhaṃ nillāletvā tivisākhaṃ nalāṭe nalāṭikaṃ yuṭṭhāpetvā daṇḍamolubbha pakkāmi.

Khi nghe nói vậy Ác ma lắc đầu, le lưỡi, trán hiện ba nếp nhăn, chống gậy bỏ đi.

Atha kho te bhikkhū yena bhagavā tenupasaṅkamiṃsu; upasaṅkamitvā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdiṃsu. Ekamantaṃ nisinnā kho te bhikkhū bhagavantaṃ etadavocum –

Rồi các Tỳ-kheo ấy đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

“idha mayaṃ, bhante, bhagavato avidūre appamattā ātāpino pahitattā viharāma. Atha kho, bhante, aññataro brāhmaṇo mahantena jaṭaṇḍuvena ajinakkhipanivattho jīṇṇo gopānasivaṅko ghurughurupassāsī udumbaraḍaṇḍaṃ gaheṭvā yena mayaṃ tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā amhe etadavoca –

‘daharā bhavanto pabbajitā susū kāḷakesā bhadrena yobbanena samannāgatā paṭhamena vayasā anikkīḷitāvino kāmesu. Bhuñjantu bhavanto mānusaṅke kāme. Mā sandiṭṭhikaṃ hitvā kālikaṃ anudhāvitthā’ti.

Evam vutte, mayaṃ, bhante, taṃ brāhmaṇaṃ etadavocumha –

‘na kho mayaṃ, brāhmaṇa, sandiṭṭhikaṃ hitvā kālikaṃ anudhāvāma. Kālikaṅca kho mayaṃ, brāhmaṇa, hitvā sandiṭṭhikaṃ anudhāvāma. Kālikā hi, brāhmaṇa, kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā bahupāyāsā, ādīnavo ettha bhiyyo. Sandiṭṭhiko ayaṃ dhammo akālīko ehipassiko opaneyyiko paccattaṃ veditabbo viññūhī’ti.

Evam vutte, bhante, so brāhmaṇo sīsaṃ okampetvā jivhaṃ nillāletvā tivisākhaṃ nalāṭe nalāṭikaṃ vuṭṭhāpetvā daṇḍamolubbha pakkanto’ti.

Bạch Thế Tôn, chúng con sống gần Đức Thế Tôn với sống nhiệt tâm, tinh cần, không xao lãng.

Có một ông lão bà la môn có búi tóc lớn, mặc áo bằng da linh dương, thân hình gầy cong như rui mè nhà cũ, hơi thở phều phào, tay cầm gậy udumbara đi tới chúng con và nói rằng:

- Chư Tôn giả xuất gia thời niên thiếu, tóc còn đen, thanh xuân tràn đầy, trong thời sung mãn của cuộc đời lại không hưởng thụ dục lạc. Hãy vui hưởng hạnh phúc kiếp người, chớ bỏ rơi cái trước mắt để mưu cầu những gì xa xôi.
- Nay Bà-la-môn, chúng tôi không bỏ rơi cái trước mắt để mưu cầu những gì xa xôi. Chúng tôi không màng đến cái xa xôi mà tập trung vào cái trước mắt. Đức Thế Tôn dạy rằng các dục tiêu ngắn thời gian, đầy đầy đau khổ, nhiều hệ lụy, hiểm họa càng nhiều hơn. Chánh pháp này thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để chứng nghiệm, có khả năng hưởng thượng, người trí tự mình tỏ ngộ.

Khi nghe nói vậy ông lão bà la môn lắc đầu, le lưỡi, trán hiện ba nếp nhăn, chống gậy bỏ đi.

“Neso, bhikkhave, brāhmaṇo. Māro eso pāpimā tumhākaṃ vicakkhukammāya āgato”ti.

-- Nay các Tỳ khuru, người ấy không phải là Bà-la-môn, chính là Ác ma đi đến để làm mờ mắt các thầy.

Atha kho bhagavā etamatthaṃ veditvā tāyaṃ velāyaṃ imaṃ gāthaṃ abhāsi –
Rồi ngay khi ấy Thế Tôn nghĩ đến ý nghĩa này nói lên kệ ngôn:

**“Yo dukkhamaddakkhi yatonidānaṃ,
Kāmesu so jantu kathaṃ nameyya;
Upadhiṃ veditvā saṅgoti loke,
Tasseva jantu vinayāya sikkhe”ti.**

Ai thấy cội nguồn khổ
Sao mong cầu dục lạc?
Biết sở y trói buộc
Tu tập đoạn tận chúng



Thích văn

“Yo dukkhamaddakkhi yatonidānaṃ

= Khi một người thấy được đau khổ đến từ đâu

Kāmesu so jantu kathaṃ nameyya = Sao có thể hướng cầu dục lạc

Upadhiṃ veditvā saṅgoti loke = Hiểu rõ sở y là trói trăn trong đời

Tasseva jantu vinayāya sikkhe”ti = Vì ấy tu tập để nhổ tận chúng.



Thích nghĩa

Gậy bằng gỗ udumbara được các vị bà la môn sử dụng trong các buổi tế lễ. Loại gậy gỗ này là biểu tượng của đời sống tu hành thiếu dục (appicchabhāva).

Cụm từ “lắc đầu, le lưỡi, trán hiện ba nếp nhăn, chống gậy bỏ đi” được tìm thấy trong nhiều bài kinh chỉ cho tâm thái chán nản bỏ cuộc.

Trong bài kinh này Ác ma có lời khuyên dựa trên quan niệm rất phổ biến trong đạo Bà la môn là thời trẻ lập gia đình hưởng thụ dục lạc, rồi khi tới tuổi lão niên tập trung cho đời sống tinh thần.

Tỳ kheo Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình

-ooOoo-

1. Sambahulasuttam [Aṭṭhakathā]

157. Evaṃ me sutam – ekaṃ samayaṃ bhagavā sakkesu viharati silāvatiyaṃ. Tena kho pana samayena sambahulā bhikkhū bhagavato avidūre appamattā ātāpino pahitattā viharanti. Atha kho māro pāpimā brāhmaṇavaṇṇaṃ abhinimminivā mahantena jaṭaṇḍuvena ajinakkhipanivattho jiṇṇo gopānasivaṅko ghurughurupassāsī udumbaraḍaṇḍaṃ gahetvā yena te bhikkhū tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā te bhikkhū etadavoca – “daharā bhavanto pabbajitā susū kāḷakesā bhadrena yobbanena samannāgatā paṭhamena vayasā anikkīlitāvino kāmesu. Bhuñjantu bhavanto mānusake kāme. Mā sandiṭṭhikaṃ hitvā kālikaṃ anudhāvithā”ti. “Na kho mayaṃ, brāhmaṇa, sandiṭṭhikaṃ hitvā kālikaṃ anudhāvāma. Kālikaṅca kho mayaṃ, brāhmaṇa, hitvā sandiṭṭhikaṃ anudhāvāma. Kālikā hi, brāhmaṇa, kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā bahupāyāsā, ādīnavo ettha bhiyyo. Sandiṭṭhiko ayam dhammo akālīko ehipassiko opaneyyiko paccattam veditabbo viññūhī”ti. Evaṃ vutte, māro pāpimā sīsaṃ okampetvā jivhaṃ nillāletvā tivisākaṃ nalāṭe nalāṭikaṃ vuṭṭhāpetvā ḍaṇḍamolubbha pakkāmi.

Atha kho te bhikkhū yena bhagavā tenupasaṅkamimsu; upasaṅkamtivā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdīmsu. Ekamantaṃ nisinnā kho te bhikkhū bhagavantaṃ etadavocum – “idha mayaṃ, bhante, bhagavato avidūre appamattā ātāpino pahitattā viharāma. Atha kho, bhante, aññataro brāhmaṇo mahantena jaṭaṇḍuvena ajinakkhipanivattho jiṇṇo gopānasivaṅko ghurughurupassāsī udumbaraḍaṇḍaṃ gahetvā yena mayaṃ tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā amhe etadavoca – ‘daharā bhavanto pabbajitā susū kāḷakesā bhadrena yobbanena samannāgatā paṭhamena vayasā anikkīlitāvino kāmesu. Bhuñjantu bhavanto mānusake kāme. Mā sandiṭṭhikaṃ hitvā kālikaṃ anudhāvithā’ti. Evaṃ vutte, mayaṃ, bhante, taṃ brāhmaṇaṃ etadavocumha – ‘na kho mayaṃ, brāhmaṇa, sandiṭṭhikaṃ hitvā kālikaṃ anudhāvāma. Kālikaṅca kho mayaṃ, brāhmaṇa, hitvā sandiṭṭhikaṃ anudhāvāma. Kālikā hi, brāhmaṇa, kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā bahupāyāsā, ādīnavo ettha bhiyyo. Sandiṭṭhiko ayam dhammo akālīko ehipassiko opaneyyiko paccattam veditabbo viññūhī’ti. Evaṃ

vutte, bhante, so brāhmaṇo sīsaṃ okampetvā jivhaṃ nillāletvā tivisākhāṃ nalāṭe nalāṭikaṃ vuṭṭhāpetvā daṇḍamolubbha pakkanto’’ti.

‘‘Neso, bhikkhave, brāhmaṇo. Māro eso pāpimā tumhākaṃ vicakkhukammāya āgato’’ti. Atha kho bhagavā etamatthaṃ viditvā tāyaṃ velāyaṃ imaṃ gāthaṃ abhāsi

—

‘‘Yo dukkhamaddakkhi yatonidānaṃ,
Kāmesu so jantu kathaṃ nameyya;
Upadhiṃ viditvā saṅgoti loke,
Tasseva jantu vinayāya sikkhe’’ti.

1. Sambahulasuttavaṇṇanā [Mūla]

157. Tatiyavaggassa paṭhame jaṭaṇḍuvenāti jaṭacumbaṭakena. **Ajinakkhipanivattho** sakhuraṃ ajinacammaṃ ekaṃ nivattho ekaṃ pāruto. **Udumbaraḍḍanti** appicchabhāvappakāsanatthaṃ īsakaṃ vaṅkaṃ udumbaraḍḍaṃ gahetvā. **Etadavocāti** loke brāhmaṇassa vacanaṃ nāma sussūsanti, brāhmaṇesupi pabbajitassa, pabbajitesupi mahallakassāti mahallakabrāhmaṇassa pabbajitavesaṃ gahetvā padhānabhūmiyaṃ kammaṃ karonte te bhikkhū upasaṅkamtivā hatthaṃ ukkhipitvā etaṃ ‘‘daharā bhavanto’’tiādivacanaṃ avoca. **Okampetvāti** hanukena uraṃ paharanto adhonataṃ katvā. **Jivhaṃ nillāletvāti** kabaramahājivhaṃ nīharitvā uddhamadho ubhayapassesu ca lāletvā. Tivisākhanti tisākhāṃ. **Nalāṭikanti** bhakuṭiṃ, nalāṭe uṭṭhitaṃ valittayanti attho. **Pakkāmīti** tumhe jānantānaṃ vacanaṃ akatvā attanova tele paccissathāti vatvā ekaṃ maggaṃ gahetvā gato. Paṭhamaṃ.